TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 791/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 49/TB-TA ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thúy H trình bày, bà H và ông T chung sống với

nhau vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được một con chung tên Phạm Hoàng G, sinh ngày 03/01/2022. Trong thời gian chung sống, bà H, ông T thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông T không chăm sóc vợ, con; không lo kinh tế gia đình để nuôi con. Từ khi sinh con đến nay, ông T không tới lui thăm con. Bà H và ông T không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoàng G, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh số 406, ngày 31/3/2022 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C cấp đối với Phạm Hoàng G (bản sao).

- Bị đơn ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông T chung sống như vợ chồng từ năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H, ông T là vợ chồng theo các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận ý kiến của bà H, giao cháu G cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà H, ông T là vợ chồng; bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phạm Thị Thúy H khai, sau thời gian tìm hiểu, bà H và ông T chung sống vào năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo Công văn số 74/UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C và Công văn số 59/CV-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã N, không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của bà H và ông T.

Xét, bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà H và ông T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phạm Hoàng G, sinh ngày 03/01/2022. Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu G phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu G cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo các Điều 15, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu G nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Thúy H và ông Hoàng Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Bà Phạm Thị Thúy H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hoàng G, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2022. Ông Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phạm Thị Thúy H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hoàng Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014666 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 11 năm 2023; bà Phạm Thị Thúy H đã nộp đủ án phí.

Ông Hoàng Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Thúy H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Hoàng Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình